

BCĐ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG
TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2016-2020
**VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI
NÔNG THÔN MỚI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 26 tháng 12 năm 2016

Số: 193 /VPĐP-NTM

V/v góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn thực
hiện lĩnh vực Thông tin và Truyền thông trong
xây dựng nông thôn mới

Kính gửi :

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- UBND các huyện, thị xã.

Ngày 24/12/2016 Ủy ban nhân tỉnh Quảng Trị có công văn số 6037/UBND-NN về việc góp ý dự thảo thông tư hướng dẫn thực hiện lĩnh vực thông tin và truyền thông trong xây dựng nông thôn mới. Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã tham gia góp ý dự thảo thông tư (có dự thảo gửi kèm).

Văn bản góp ý của các đơn vị, địa phương xin gửi về Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh (49 Trần Hưng Đạo – TP Đông Hà) và Email: levanqt81@gmail.com **trước ngày 30/12/2016** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Đề nghị các đơn vị, địa phương quan tâm, phối hợp./. *KT*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh VP, Phó Chánh VP;
- Lưu VT, NTM.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Trần Văn Thu
Trần Văn Thu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6037**/UBND-NN

V/v Góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện lĩnh vực thông tin và truyền thông trong xây dựng nông thôn mới

Quảng Trị, ngày **24** tháng **3** năm 2016



HỎA TỐC

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

Ngày 19/12/2016, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản số 4479/BTTTT-KHHC về việc góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (sao gửi kèm theo); UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và các đơn vị, địa phương liên quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia góp ý dự thảo Thông tư nêu trên; ý kiến góp ý gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông và UBND tỉnh trước ngày 31/12/2016. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NN.

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Cửu

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4479** /BT-TT-KHTC

V/v góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn
thực hiện CTMTQG xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2016-2020 trong
lĩnh vực thông tin và truyền thông

Hà Nội, ngày **19** tháng **12** năm 2016

Kính gửi:

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ	
ĐẾN	Số: 28225
	Ngày: 22/12
	Chuyên: NK

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch-Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động-Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Xây dựng; Quốc phòng; Khoa học và Công nghệ.
- Ủy ban Dân tộc;
- Hội Nông dân Việt Nam;
- Đài Truyền hình Việt Nam;
- Đài Tiếng nói Việt Nam;
- Thông tấn xã Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (gửi kèm).

Đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia bằng văn bản gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 31/12/2016 để tổng hợp và ban hành Thông tư.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan. / *lc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



lc
Nguyễn Minh Hồng

Số: /2017/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số. .../2016/QĐ-TTg ngày tháng.... năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện nội dung tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở và các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân các cấp thuộc địa bàn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Các cơ quan được giao kinh phí để thực hiện Nội dung số 8 thuộc Khoản 2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, Mục III. Các nội dung thành phần của Chương trình (sau đây gọi tắt là Nội dung số 8).

c) Các Đài truyền thanh, truyền hình huyện, xã.

d) Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông.

đ) Các cơ quan chủ trì, quản lý, hướng dẫn thực hiện Chương trình.

Điều 2. Thực hiện nhiệm vụ thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã

1. Đài truyền thanh xã là Đài truyền thanh do UBND cấp xã trực tiếp quản lý nhân sự, khai thác máy móc thiết bị, duy trì hoạt động để tiếp sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh, Đài Truyền thanh – Truyền hình các huyện và phục vụ nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền của xã trên địa bàn.

2. Đài truyền thanh xã được thiết lập bằng một trong các phương thức truyền dẫn tín hiệu âm thanh sau:

a) Đài truyền thanh hữu tuyến: là đài truyền thanh sử dụng phương thức truyền dẫn tín hiệu âm thanh bằng đường dây dẫn.

b) Đài truyền thanh vô tuyến: là đài truyền thanh sử dụng phương thức truyền dẫn tín hiệu âm thanh thông qua tần số vô tuyến điện.

3. Các xã được Chương trình hỗ trợ thiết lập mới đài truyền thanh cấp xã gồm:

a) Xã chưa có đài truyền thanh.

b) Xã có đài truyền thanh đã sử dụng hết thời gian tính hao mòn tài sản cố định theo quy định hiện hành hoặc đài truyền thanh đã hư hỏng, không còn sử dụng được phải thanh lý.

4. Các xã được Chương trình hỗ trợ nâng cấp để đảm bảo hoạt động của Đài truyền thanh xã gồm:

a) Xã có Đài truyền thanh nhưng thiết bị lạc hậu, không đảm bảo chất lượng hoạt động.

b) Xã có Đài truyền thanh nhưng cần mở rộng, chuyển đổi công nghệ, thay thế thiết bị.

5. Thứ tự ưu tiên thực hiện:

a) Xã đặc biệt khó khăn, xã đảo.

b) Xã thuộc huyện nghèo và huyện hưởng chính sách như huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ.

c) Các xã miền núi và vùng đồng bào dân tộc.

d) Các xã khác.

Điều 3. Thực hiện nhiệm vụ thiết lập mới trạm truyền thanh thôn, bản, đảo

1. Trạm truyền thanh thôn, bản: là trạm có hệ thống máy tăng âm hoặc máy phát, micro, loa, cụm loa ngoài trời, đặt tại thôn để tiếp sóng phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh, Đài Truyền thanh – Truyền hình các huyện và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của xã, sinh hoạt của thôn hoặc liên thôn.

2. Các thôn được thiết lập mới trạm truyền thanh thôn là các thôn, bản, đảo khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có từ 50 hộ dân sinh sống trở lên thuộc một trong các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

b) Cách xa trung tâm xã và không nghe được thông tin từ đài truyền thanh xã;

c) Điều kiện địa lý khó khăn không thể mở rộng cụm loa của đài truyền thanh xã đến thôn, bản để nghe thông tin từ đài truyền thanh xã.

3. Thứ tự ưu tiên:

a) Các đảo có dân sinh sống; Thôn, bản đặc biệt khó khăn;

b) Thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn; thôn, bản thuộc xã biên giới;

c) Thôn, bản thuộc huyện nghèo, huyện hưởng chính sách như huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ;

d) Thôn, bản thuộc các xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc.

Điều 4. Thực hiện nhiệm vụ nâng cấp phần phát thanh cho Đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện và trạm phát lại truyền thanh, truyền hình khu vực

1. Điều kiện thực hiện nâng cấp thiết bị để đảm bảo hoạt động cho phần phát thanh của Đài Truyền thanh-Truyền hình cấp huyện:

a) Đài có thiết bị lạc hậu, không đảm bảo chất lượng hoạt động;

b) Đài có thiết bị sản xuất, phát sóng đã hết thời gian tính hao mòn tài sản cố định theo quy định hiện hành, sẽ thanh lý trong giai đoạn thực hiện Chương trình.

c) Đài có nhu cầu bổ sung thiết bị để nâng cao năng lực hoạt động.

2. Điều kiện thực hiện nâng cấp trạm phát lại, tiếp phát sóng phát thanh, truyền hình: Thực hiện đối với địa bàn có dân cư sinh sống từ 200 hộ dân trở lên và hiện trạng trạm hoạt động không đảm bảo chất lượng tiếp phát, phát lại các chương trình truyền thanh.

3. Thứ tự ưu tiên thực hiện mục tiêu nâng cấp Đài Truyền thanh-Truyền hình cấp huyện của Chương trình như sau:

a) Huyện đảo; huyện nghèo và huyện hưởng chính sách như huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ.

b) Huyện miền núi, biên giới.

4. Căn cứ tình hình thực tế, các địa phương xem xét quyết định địa điểm, quy mô nâng cấp Đài Truyền thanh-Truyền hình cấp huyện và trạm phát lại truyền thanh, truyền hình trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc ưu tiên đối với các đảo, vùng sâu, vùng xa có đồng bào dân tộc ít người sinh sống và tận dụng cơ sở vật chất hiện có.

Điều 5. Cơ cấu, yêu cầu về kỹ thuật thiết bị của đài truyền thanh huyện, xã; trạm truyền thanh thôn, bản và trạm phát lại, tiếp phát sóng truyền thanh, truyền hình

1. Chương trình hỗ trợ mua sắm, lắp đặt thực hiện các nhiệm vụ nêu tại các Điều 2, Điều 3, Điều 4, bao gồm:

a) Thiết bị sản xuất chương trình.

b) Thiết bị phát sóng phát thanh (bao gồm loa phát thanh): số lượng cụm loa phù hợp với thực tế địa bàn và công suất phát sóng của đài.

c) Các thiết bị phụ trợ: lưu điện, dây dẫn, ổn áp, bàn ghế, tủ đựng....

d) Xây dựng, lắp đặt cột phát sóng.

đ) Hướng dẫn khai thác, vận hành thiết bị.

Đối với nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhà trạm, vật kiến trúc (nếu có), cột treo loa, cột điện do Ngân sách địa phương đảm bảo.

Thành phần thiết bị (không bao gồm phần đế trụ cột phát sóng) như Phụ lục 1 kèm theo của Thông tư này.

2. Yêu cầu kỹ thuật thiết bị:

a) Đối với thiết bị truyền thanh không dây:

Thông số kỹ thuật phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phổ tần và tương thích điện từ đối với thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) (QCVN 30:2011/BTTTT) hoạt động băng tần 68-108 MHz và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phổ tần số và tương thích điện từ đối với thiết bị truyền thanh không dây sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) băng tần từ 54MHz đến 68 MHz (QCVN 70:2013/BTTTT).

b) Đối với các đài truyền thanh không dây sử dụng công nghệ phát sóng vô tuyến, phải được cấp phép sử dụng tần số theo quy định, tuân thủ Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020; Thông tư số 04/2013/TT-BTTTT ngày 23 tháng 01 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM đến năm 2020.

c) Đối với phát xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ: Đáp ứng các yêu cầu tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị thông tin vô tuyến điện QCVN 18:2014/BTTTT.

d) Đối với việc sử dụng tần số vô tuyến điện: Tuân thủ quy định tại Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và Thông tư 05/2015/TT-BTTTT ngày 23 tháng 5 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn, thiết bị vô tuyến điện; sử dụng tần số vô tuyến điện.

3. Nguồn kinh phí thực hiện các nội dung trên theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 6. Kế hoạch thực hiện nội dung số 8

1. Các địa phương thực hiện Nội dung số 8 tổ chức khảo sát, lập kế hoạch thực hiện nội dung số 08 cả giai đoạn và hàng năm gửi Bộ Thông tin và Truyền thông theo Phụ lục 2,3,4,5 của Thông tư này.

a) Thời điểm báo cáo kế hoạch cả giai đoạn là trước ngày 15 tháng 06 năm 2017.

b) Thời điểm báo cáo kế hoạch năm sau là trước ngày 15 tháng 6 hằng năm.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm rà soát các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch và tổng hợp gửi Cơ quan thường trực Chương trình và các cơ quan liên quan.

3. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ chỉ tiêu kế hoạch thực hiện mục tiêu, kinh phí Ngân sách Trung ương hỗ trợ và khả năng bố trí vốn bổ sung của địa phương để xem xét, quyết định địa điểm thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh, trạm truyền thanh, trạm tiếp phát, phát lại sóng phát thanh, truyền hình, gửi thông báo cho Bộ Thông tin và Truyền thông theo dõi.

Điều 7. Báo cáo, giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện nội dung số 08

1. Các địa phương có trách nhiệm báo cáo triển khai thực hiện kế hoạch (theo Phụ lục số 6) và kết quả thực hiện kế hoạch (theo Phụ lục số 7) của Thông tư này về Bộ Thông tin và Truyền thông.

a) Báo cáo kế hoạch triển khai thực hiện Nội dung số 8 gửi Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch.

b) Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch triển khai nội dung số 8 trước ngày 31 tháng 01 của năm sau.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nội dung số 8; tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Điều 8. Thực hiện các nội dung khác của tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông để đến năm 2020 có 95% số xã đạt chuẩn các nội dung khác của tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông

Ngoài các nội dung hướng dẫn nêu trên, các nội dung khác của tiêu chí số 8 "Thông tin và Truyền thông" trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 được hỗ trợ thực hiện bằng các Chương trình, cơ chế, chính sách sau:

1. Hỗ trợ thực hiện nội dung 8.1 "Xã có điểm phục vụ bưu chính": Thực hiện theo Quyết định số 45/2015/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí.

2. Hỗ trợ thực hiện nội dung số 8.2 "Xã có dịch vụ viễn thông": Thực hiện theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2015.

3. Hỗ trợ thực hiện nội dung 8.4 "Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành" (bao gồm thực hiện nội dung xây dựng và nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến trong nội dung trong nội dung số 05, thành phần số 9 "Cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công": Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông về tiêu chí "Thông tin và Truyền thông" và do Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất kế hoạch thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của nội dung số 08 theo hướng dẫn tại Thông tư này;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Đề xuất thực hiện kế hoạch cả giai đoạn và hằng năm nội dung số 08 thuộc nội dung thành phần số 2 của Chương trình, gửi Bộ Thông tin và Truyền thông, đồng thời tổng hợp gửi các cơ quan liên quan theo quy định;

b) Phân công Sở Thông tin và Truyền thông trách nhiệm tham mưu tổ chức triển khai, quản lý thực hiện nội dung số 08, thuộc nội dung thành phần số 2 của Chương trình tại địa phương;

c) Quyết định đầu tư, mua sắm thực hiện nội dung số 08 thuộc nội dung thành phần số 2 của Chương trình theo thẩm quyền. Căn cứ tình hình thực tế, để đảm bảo

yêu cầu đặc thù, đồng bộ về kỹ thuật cơ sở vật chất chuyên ngành, các địa phương xem xét, quyết định tổ chức đầu tư, mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật.

d) Báo cáo kết quả thực hiện hàng năm theo phụ lục kèm theo Thông tư này.

3. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông

a) Tổng công ty Bưu điện Việt Nam có trách nhiệm phát triển hệ thống điểm phục vụ bưu chính tại tất cả các xã theo quy định hiện hành và hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (nội dung về điểm phục vụ bưu chính).

b) Các doanh nghiệp viễn thông thực hiện phát triển, duy trì cung ứng dịch vụ viễn thông đến tất cả các xã theo quy định hiện hành và hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (nội dung về xã có dịch vụ viễn thông).

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để phối hợp giải quyết.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ và cơ quan ngang Bộ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tỉnh ủy, thành ủy và các báo Đảng của Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ TT&TT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; Các đơn vị thuộc Bộ; Công TTĐT Bộ;
- Các báo: Nhân dân, Quân đội nhân dân, Tạp chí Cộng sản;
- Công TTĐT CP, Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Trương Minh Tuấn

PHỤ LỤC 1
CƠ CẤU THÀNH PHẦN THIẾT BỊ ĐÀI TRUYỀN THANH HUYỆN
VÀ ĐÀI TRUYỀN THANH XÃ

(Kèm theo Thông tư số /TT-BTTTT ngày tháng năm của Bộ TTTT)

STT	TÊN VẬT TƯ - THIẾT BỊ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
	VẬT TƯ ĐÀI TRUYỀN THANH HUYỆN		
1	Máy phát sóng FM 500W (bao gồm cáp fider , bộ chia và chấn tử)	Chiếc	1
2	Bộ mã trung tâm (RDS)	Chiếc	1
3	Mixer VM MC 12USB	Bộ	1
4	Bộ máy vi tính làm chương trình	Bộ	1
5	Đài radio 1 cửa băng một cửa đĩa	Chiếc	1
6	Micro	Chiếc	2
7	Micro điện động có dây	Chiếc	2
8	Chân micro để bàn	Chiếc	2
9	Cột ăngten tứ giác thân Φ40 bằng thép mạ kẽm cao 40m (gồm hệ thống dây néo và phụ kiện)	Mét	40
10	Dây đồng Φ8 làm tiếp địa	Kg	50
11	Cọc tiếp địa 1500 x 5 x 5	Chiếc	15
12	Dây sắt chống sét	Kg	100
	VẬT TƯ ĐÀI TRUYỀN THANH XÃ		
1	Máy phát sóng FM 100W	Chiếc	1
2	Bộ mã trung tâm (RDS)	Chiếc	1
3	Đài radio 1 cửa băng một cửa đĩa	Chiếc	1
4	Micro	Chiếc	2
5	Micro điện động có dây	Chiếc	2
6	Chân micro để bàn	Chiếc	2

7	Cột ăngten tam giác 30 x 30 bằng thép mạ kẽm cao 25m (gồm hệ thống dây néo và phụ kiện)	Mét	25
8	Chân tử (ăngten)phát sóng	Chiếc	1
9	Dây cáp fider	Mét	40
10	Bộ trộn tín hiệu mixer	Bộ	1
11	Hộp thu kỹ thuật số RDS (tùy thuộc vào số lượng do xã yêu cầu lắp bao nhiêu cụm)	Hộp	20
12	Loa nén vành nhựa trắng 60W(tùy thuộc vào số lượng cụm thu từng xã thông thường 2loa / cụm thu)	Chiếc	40
13	Cột treo loa F48 cao 2m(dùng để dăng loa lên trên đầu cột điện thông thường 1 cụm / 1 cột)	Bộ	20

PHỤ LỤC 02

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THIẾT LẬP MỚI ĐÀI TRUYỀN THANH XÃ
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Thông tư số /TT-BTTTT ngày tháng năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

T	Đơn vị	Số xã							Phương thức (vô tuyến/hữu tuyến)	Công suất máy phát	Số cụm loa	Dự kiến số lượng và kinh phí thực hiện giai đoạn 2017-2020							
		Tổng số	Trong đó (đề nghị đánh giá V)				Năm 2017					Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020			
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó	Xã khác thuộc CT	Năm 2017					Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020			
							Sản lượng	Kinh phí				Sản lượng	Kinh phí	Sản lượng	Kinh phí	Sản lượng	Kinh phí		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
A	Đồng bằng sông Hồng																		
I	TP.Hà Nội																		
I	Huyện...																		
.1	Xã...																		
.2	Xã...																		
.3	Xã...																		
2	Huyện...																		
.1	Xã...																		
.2	Xã...																		
.3	Xã...																		
B	Tổng cộng																		

Ghi chú

- 1) Kế hoạch thực hiện cả giai đoạn gửi về Bộ TTTT trước ngày 31/01/2017
- 2) Kế hoạch hàng năm gửi Bộ TTTT trước ngày 15/6 hàng năm.

PHỤ LỤC 03

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NÂNG CẤP ĐẠI TRUYỀN THANH XÃ

THỰC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Thông tư số /TT-BTTTT ngày tháng năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	Đơn vị	Số xã					Kinh phí				
		Tổng số	Trong đó (để nghị đánh dấu V)				Tổng số	Trong đó			
			Xã đảo	Xã miền núi	Xã đặc biệt khó khăn	Xã khác thuộc CT		2017	2018	2019	2020
1	2	3	4	5	6	7	11	12	13	14	15
A	Đồng bằng sông Hồng										
I	TP. Hà Nội										
1	Huyện....										
1.1	Xã...										
1.2	Xã...										
1.3	Xã...										
2	Huyện....										
2.1	Xã...										
2.2	Xã...										
2.3	Xã...										
B	Tổng cộng										

PHỤ LỤC 05

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NÂNG CẤP ĐÀI TRUYỀN THANH-TRUYỀN HÌNH HUYỆN VÀ TRẠM TIẾP PHÁT, PHÁT LẠI CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH

THƯỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Thông tư số /TT-BTTTT ngày tháng năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	Đơn vị	Địa điểm thiết lập	Tổng số	Kinh phí				
				Trong đó				
				2017	2018	2019	2020	
1	2	3	11	12	13	14	15	
A	Đồng bằng sông Hồng							
I	TP.Hà Nội							
I	Huyện....							
2	Huyện....							
3	Huyện....							
4	Huyện....							
B	Tổng cộng							

PHỤ LỤC 06
BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÂN BỐ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT
CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CƠ SỞ
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Thông tư số /TT-BTTTT ngày tháng năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

Tỉnh, Thành phố...
 Năm.....

TT	Đơn vị	Nhiệm vụ và phân bổ kinh phí								Ghi chú
		Thiết lập mới đài truyền thanh xã		Thiết lập mới trạm truyền thanh thôn, bản		Nâng cấp Đài Truyền thanh		Nâng cấp Trạm tiếp phát, phát lại truyền thanh		
		Số lượng	Kinh phí	Sản lượng	Kinh phí	Sản lượng	Kinh phí	Sản lượng	Kinh phí	
1	2	11	12	13	14	15	16	17	18	18
A	Đồng bằng sông Hồng									
I	TP.Hà Nội									
1	Huyện....									
1.1	Xã...									
1.2	Xã...									
1.3	Xã...									
1.3.1	Thôn...									
2	Huyện....									
2.1	Xã...									
2.2	Xã...									
2.3	Xã...									
1.3.1	Thôn...									
B	Tổng cộng									

**PHỤ LỤC 7. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG
CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CƠ SỞ
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Kỳ báo cáo:

(Kèm theo Thông tư số/TT-BTTTT ngày tháng năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

Tỉnh, Thành phố...

STT	Nội dung	Kế hoạch năm	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu Chương trình
1	2	3	4	5
1	Số đài truyền thanh xã được đầu tư mới			
a	Đài truyền thanh xã A thuộc huyện			
b	Đài truyền thanh xã B thuộc huyện			
....				
2	Số đài truyền thanh xã được nâng cấp			
a	Đài truyền thanh xã C thuộc huyện			
b	Đài truyền thanh xã D thuộc huyện			
....				
3	Số Đài Truyền thanh-Truyền hình huyện được nâng cấp			
a	Đài Truyền thanh-Truyền hình huyện A			
b	Đài Truyền thanh-Truyền hình huyện B			
....				
4	Số trạm phát lại, tiếp phát PTTH được nâng cấp			
a	Trạm phát lại PTTH A			
b	Trạm phát lại PTTH B			
....				
5	Số trạm truyền thanh thôn, bản được thiết lập mới			
a	Thôn, bản A thuộc xã X, huyện Y			
b	Thôn, bản B thuộc xã X, huyện Y			
....				

Lập biểu

....., ngày tháng năm 20....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)